

Bản án số: 94/2026/HS-ST
Ngày 28-8-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5- LÀO CAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Lên.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Hoàng Trung Tá;
- Bà Phạm Thị Kim Hoa.

Thư ký phiên toà: Bà Lê Thúy Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5-Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5-Lào Cai tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Cường Quyền - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 5- Lào Cai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 59/2026/TLST-HS ngày 17 tháng 8 năm 2026, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2026/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 8 năm 2026, đối với các bị cáo:

1. Lường Hoài L, sinh ngày 14 tháng 5 năm 1998 tại tỉnh Lào Cai. Căn cước công dân số 015098003787, cấp ngày 27-7-2022, nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH. Nơi cư trú: Thôn C (nay là thôn T), xã H, tỉnh Lào Cai; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 11/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lường Văn T và bà Nguyễn Thị G; có vợ là Nguyễn Thị Thanh T1 và có 02 con (lớn sinh năm 2021, nhỏ sinh năm 2023); tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không; bị tạm giữ từ ngày 27-3-2026, bị tạm giam từ ngày 02-4-2026; có mặt.

2. Bùi Tú N, sinh ngày 08 tháng 9 năm 1994 tại tỉnh Lào Cai. Căn cước công dân số 015094008059, cấp ngày 21-8-2022, Cục Cảnh sát QLHC về TTXH. Nơi cư trú: Thôn Đ, xã V, tỉnh Lào Cai; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi N1 và bà Đặng Thị H; vợ, con: Không; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không; bị tạm giữ từ ngày 26-3-2026, bị tạm giam từ ngày 01-4-2026; có mặt.

3. Nguyễn Đình Đ, sinh ngày 05 tháng 02 năm 1990 tại tỉnh Lào Cai. Căn cước công dân số 015090011774, cấp ngày 24-6-2021, Cục Cảnh sát QLHC về TTXH. Nơi cư trú: Thôn P, xã V, tỉnh Lào Cai; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đình Q và bà Đoàn Thị N2; có vợ là Tạ Thị Thanh H1 (đã ly hôn) và có 03 con (lớn nhất sinh năm 2016, nhỏ nhất sinh năm 2021); tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bị xử phạt 15 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 29 tháng kể từ ngày tuyên án (24-4-2012) theo Bản án số 44/2012/HSST ngày 24-4-2012 của Tòa án nhân dân huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội, đến ngày 07-10-2014 chấp hành xong hình phạt tù cho hưởng án treo; bị tạm giữ từ ngày 26-3-2026, bị tạm giam từ ngày 01-4-2026; có mặt.

Người làm chứng:

- Chị Nguyễn Thị T2, sinh năm 2000, trú tại Thôn K, xã C, tỉnh Lào Cai; vắng mặt.

- Chị Trần Phương T3, sinh năm 1998, trú tại Tổ dân phố A, phường T, tỉnh Lào Cai, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 7 năm 2025 khi đang làm việc tại Hà Nội, Lương Hoài L nhắn tin trong nhóm “Gia phả nhạc lợt” trên ứng dụng T4 để tìm mua ma túy tổng hợp để sử dụng. Sau đó tài khoản “Sỉ lẻ cơm” nhắn tin riêng cho L bảo có ma túy bán, L đã hỏi mua 24 viên ma túy tổng hợp “Kẹo” và 14 chỉ Ketamine, người này đồng ý bán và báo giá số ma túy này là 21.000.000 đồng. Sau khi thống nhất được giá mua, L và người bán ma túy hẹn khu vực đường H thuộc phường T, thành phố Hà Nội để giao dịch mua bán ma túy. Người bán ma túy chụp ảnh vị trí cất giấu ma túy ở một bụi cây dưới cột đèn và bảo L ra lấy rồi để tiền lại vị trí này. L ra tìm và lấy được ma túy theo chỉ dẫn và đã để lại số tiền 21.000.000 đồng. Sau khi mua được ma túy L nghỉ làm ở Hà Nội và mang theo số ma túy đã mua được về nhà tại thôn C, xã H, tỉnh Lào Cai, cất giấu và đã hai lần bán trái phép, cụ thể:

- Lần thứ nhất: Ngày 09-3-2026 tại khu vực gần quán M thuộc tổ dân phố T, phường N, tỉnh Lào Cai. Lương Hoài L đã bán cho Bùi Tú N 01 chỉ Ketamine và 02 viên ma túy tổng hợp loại MDMA với giá 2.500.000 đồng. Số ma túy mua được Bùi Tú N đã sử dụng hết cho bản thân tại khu vực ven đường vắng người thuộc phường T, tỉnh Lào Cai.

- Lần thứ hai: Vào khoảng 08 giờ, ngày 26-3-2026 Bùi Tú N gọi điện rủ Nguyễn Đình Đ đi vào N để sử dụng ma túy và tiền mua ma túy sẽ được chia đôi mỗi người góp một nửa. Sau đó N đã gọi điện cho L1 Hoài L hỏi mua 01 chỉ Ketamine và 01 viên ma túy tổng hợp loại MDMA, L đồng ý và báo giá 2.000.000 đồng. N bảo L gửi ma túy qua xe khách xuống cây xăng Đ1 thuộc xã

V, tỉnh Lào Cai để N lấy, còn tiền mua ma túy N sẽ trả sau. Sau khi thống nhất việc mua bán ma túy Lương Hoài L đã đóng gói ma túy vào hộp giấy và dán băng dính kín rồi gửi xe khách “Cương Hòa” cho N. Đến khoảng 10 giờ 00 phút cùng ngày, N đón xe khách và lấy được ma túy, N mang ma túy về nhà cho vào một túi vải đen cùng với các dụng cụ sử dụng ma túy rồi đi taxi đến nhà Đ.

Đến khoảng 11 giờ 30 ngày 26-3-2026 tại quán B thuộc phường T, tỉnh Lào Cai. Bùi Tú N và Nguyễn Đình Đ cùng rủ Nguyễn Thị T2 và Trần Phương T3 sau khi uống bia xong sẽ đi tìm chỗ để sử dụng ma túy thì được T2 và T3 đồng ý. Đến khoảng 13 giờ 00 cùng ngày tại nhà nghỉ T6 thuộc tổ F, phường N, tỉnh Cai. Bùi Tú N thuê phòng 301, Nguyễn Đình Đ thuê phòng 302. Sau đó, T3 và T2 đi đến sân nhà nghỉ thì Đ đứng trên tầng ba gọi T2 và T3 lên phòng 301. Sau khi vào phòng 301, T2 và T3 nằm ở giường phía trong còn Đ và N nằm ở giường phía ngoài gần cửa ra vào, sau khi nói chuyện được một lúc thì do say bia nên T3 nằm ngủ, lúc này N đưa cho Đ 01 túi nilon màu trắng có khóa kẹp, bên trong có 01 viên ma túy tổng hợp loại MDMA, Đ bẻ viên ma túy thành hai phần và tự sử dụng một phần, phần còn lại đưa cho T2 sử dụng. Khoảng 20 phút sau, N lấy 01 túi nilon màu trắng có khóa kẹp chứa Ketamine và dụng cụ sử dụng ma túy ra đặt lên giường phía ngoài, N đổ toàn bộ Ketamine lên tờ tiền 5.000 đồng rồi gấp lại, dùng phần cạnh bật lửa nghiền ma túy trong tờ tiền cho mịn rồi đổ ra đĩa sứ, sau đó dùng thẻ Căn cước công dân của mình kẻ Ketamine thành các đường chỉ nhỏ, sau đó N lấy tờ tiền 20.000 đồng của mình ra cuốn lại thành ống “Tẩu” rồi mời mọi người sử dụng ma túy. Sau đó, N, Đ và T2 đều sử dụng Ketamine do N chuẩn bị, còn T3 ngủ nên không biết và không sử dụng ma túy. Đến khoảng 16 giờ 00 cùng ngày T3 thức dậy và đi về trước, khoảng 30 phút sau T2 đi về. Đến 17 giờ 30 cùng ngày, khi N và Đ đang ở trong phòng 301 thì bị Cơ quan Công an kiểm tra, bắt quả tang.

Vật chứng thu giữ: 01 đĩa sứ màu trắng, trên đĩa có chất tinh thể màu trắng; 01 tờ tiền 20.000 đồng được cuốn thành ống; 01 tờ tiền mệnh giá 5.000 đồng; 01 bật lửa ga; 01 căn cước công dân mang tên Bùi Tú N; 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 15 Plus, màu hồng; 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 13 Promax, màu xanh; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 17 Promax, màu xanh và tạm giữ số tiền 1.840.000 đồng. Nguyễn Đình Đ và Bùi Tú N khai nhận chất tinh thể màu trắng có trên đĩa sứ là ma túy, loại Ketamine và nguồn gốc số ma túy có để sử dụng là do N mua của Lương Hoài L; còn các tờ tiền, bật lửa và thẻ căn cước là những công cụ dùng để sử dụng ma túy.

Cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh L đã thi hành Lệnh khám xét khẩn cấp phòng 301 tại nhà nghỉ T6, kết quả: Không thu giữ đồ vật, tài sản gì. Ngày 27-3-2026 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh L đã thi hành Lệnh khám xét khẩn cấp chỗ ở, đồ vật của Bùi Tú N và Nguyễn Đình Đ, kết quả: Không thu giữ đồ vật, tài sản gì.

Ngày 27-03-2026, Công an phường N phối hợp tổ tăng cường Công an tỉnh L xác minh và triệu tập Lương Hoài L để làm việc thì phát hiện L đang đi bộ tại khu vực ngã tư đường T thuộc dân phố D, phường N, tỉnh Lào Cai. Kiểm tra phát hiện tại túi quần phía trước bên phải L đang mặc có 01 túi nilon màu trắng

buộc túm một đầu, bên trong túi nilon có 11 gói nilon màu trắng có khóa kẹp, mỗi túi đều chứa 01 viên ma túy tổng hợp loại “Kẹo”; 01 túi nilon kẹp zip một đầu, bên trong có 11 túi nilon chứa chất tinh thể màu trắng; 01 túi nilon màu trắng có khóa kẹp chứa 10 viên ma túy tổng hợp loại “Kẹo” ngoài ra còn tạm giữ của L 01 điện thoại di động màu xanh, màn hình cảm ứng. Lường H2 L khai nhận số ma túy này L cất giấu với mục đích để sử dụng cho bản thân và bán. Cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh L đã thi hành Lệnh khám xét khẩn cấp chỗ ở, đồ vật của Lường Hoài L tại thôn C, xã H, tỉnh Lào Cai, kết quả: Không thu giữ đồ vật, tài sản gì.

Tại Bản kết luận giám định số 324/BKL-KTHS ngày 31-3-2026 của Phòng K Công an tỉnh L kết luận: Chất tinh thể màu trắng thu giữ khi bắt quả tang Bùi Tú N và Nguyễn Đình Đ có khối lượng là 0,29 gam, gửi giám định là ma túy, loại Ketamine.

Tại Bản kết luận giám định số 336/BKL-KTHS ngày 02-4-2026 của Phòng K Công an tỉnh L kết luận: Số tiền thu giữ của Bùi Tú N khi bắt quả tang là 1.865.000 đồng, gửi giám định đều là tiền thật.

Tại Bản kết luận giám định số: 343/BKL-KTHS ngày 28-3-2026 của Phòng K Công an tỉnh L kết luận: Các viên nén màu xanh thu giữ của Lường Hoài L có tổng khối lượng là 11,24 gam, gửi giám định là ma túy, loại MDMA. Chất tinh thể màu trắng thu giữ của Lường H có tổng khối lượng là 8,28 gam, gửi giám định là ma túy, loại Ketamine.

Cáo trạng số: 36/CT-VKSLCI-KV ngày 16-7-2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5, tỉnh Lào Cai đã truy tố: Bị cáo Hoài L về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b, p khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự; các bị cáo Bùi Tú N, Nguyễn Đình Đ về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội đã thực hiện như cáo trạng của Viện sát đã tố; bị cáo Bùi Tú N đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trả lại bị cáo 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 15 Plus, màu hồng và số tiền 1.840.000 đồng. Vì đây là những tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Bị cáo Lường Hoài L phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; các bị cáo Bùi Tú N, Nguyễn Đình Đ phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Đề nghị đồng xét xử:

- Áp dụng điểm b, p khoản 2 Điều 251, điểm r, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lường Hoài L từ 10 năm đến 11 năm tù.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255, các điểm s, t khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Bùi Tú N từ 08 năm đến 08 tháng 06 tháng tù.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Đình Đ từ 07 năm 09 tháng đến 08 năm 03 tháng tù.

Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về vật chứng của vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng sự đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử lý vật chứng như sau:

- Tịch thu và tiêu hủy: 0,19 gam Ketamine thu giữ của Bùi Tú N và Nguyễn Đình Đ còn lại sau giám định được cho vào 1 túi nilon màu trắng và niêm phong trong một phong bì do Phòng K Công an tỉnh L phát hành; 8,08 gam Ketamine còn lại sau giám định được cho vào 1 túi nilon màu trắng; 10,59 gam MDMA còn lại sau giám định được cho vào 02 túi nilon màu trắng, là vật chứng thu giữ của Lương Hoài L. Được niêm phong trong cùng một phong bì do Phòng K Công an tỉnh L phát hành; 01 bật lửa gas màu xanh; 01 đĩa sứ hình tròn màu trắng; 02 vỏ đầu lọc thuốc lá; 04 vỏ phong bì đã mở niêm phong và các túi nilon.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động màu xanh, số IMEI: 352604701780713, lắp 01 sim số 0343605678, thu giữ của L2; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 17 Promax, màu xanh, cũ đã qua sử dụng, số IMEI 352602315722758 có gắn 01 thẻ sim số 0972713690, thu giữ của Nguyễn Đình Đ và 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 13 Promax, màu xanh, cũ đã qua sử dụng, Số IMEI: 356942217063992, có lắp 01 sim số 0844845845, thu giữ của Bùi Tú N.

- Trả lại bị cáo Bùi Tú N: 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 15 Plus, màu hồng, cũ đã qua sử dụng, Số IMEI: 358577785007589, có lắp 01 sim số 0384088828; 01 thẻ Căn cước công dân số 015094008059 và số tiền 1.840.000 đồng.

- Tịch thu (truy thu) sung vào ngân sách nhà nước số tiền 2.500.000 đồng bị cáo Lương Hoài L có được từ việc bán ma túy cho Bùi Tú N vào ngày 09-3-2026. Tịch thu 25.000 đồng thu giữ khi bắt quả tang bị cáo Bùi Tú N, Nguyễn Đình Đ.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng sự; điểm a khoản 1 Điều 23 quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử buộc các bị cáo Lương Hoài L, Bùi Tú N, Nguyễn Đình Đ mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo không tranh luận với Kiểm sát viên, không có ý kiến bào chữa gì.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là sai, là vi phạm pháp luật, các bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh L, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa sơ thẩm người làm chứng Nguyễn Thị T2, Trần Phương T3 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Xét thấy người làm chứng đã có lời khai và được thể hiện trong hồ sơ vụ án và sự vắng mặt không gây trở ngại cho việc xét xử. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người làm chứng theo quy định tại Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại quan điều tra, phù hợp biên bản phạm tội quả tang, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác, luận giám định và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thể hiện:

[3.1] Đối với hành vi mua bán trái phép chất ma túy:

Khoảng tháng 7 năm 2025 tại khu vực đường H thuộc phường T, thành phố Hà Nội. Lương Hoài L đã mua 24 viên ma túy loại MDMA và 14 chỉ Ketamine của một người không quen biết với giá 21.000.000 đồng. Mua được ma túy L đã mang về nhà thôn C, xã H, tỉnh Lào Cai, cất giấu mục đích để sử dụng và bán kiếm lời. Từ ngày 09 đến ngày 26 tháng 3 năm 2026 Lương H đã hai lần bán trái phép chất ma túy, cụ thể:

- Lần thứ nhất: Ngày 09-3-2026 tại khu vực gần quán M thuộc tổ dân phố T, phường N, tỉnh Lào Cai. Bị cáo Lương Hoài L bán cho Bùi Tú N 01 chỉ Ketamine và 02 viên ma túy loại MDMA với giá 2.500.000 đồng.

- Lần thứ hai: Ngày 26-3-2026 Bùi Tú N gọi điện thoại cho L1 Hoài L hỏi mua 01 chỉ Kentamine và 01 viên ma túy loại MDMA, thì được L báo giá là 2.000.000 đồng, N đồng ý mua. Sau đó Lương Hoài L đóng gói giấu kín ma túy vào hộp giấy, rồi gửi xe khách đi từ xã H, tỉnh Lào Cai xuống cây xăng Đ1, thuộc xã V, tỉnh Lào Cai. Đến khoảng 10 giờ 00 phút cùng ngày, Bùi Tú N đón và lấy được ma túy. Số tiền 2.000.000 đồng mua ma túy N chưa trả cho Lương Hoài L.

Hồi 08 giờ 45 phút, ngày 27-3-2026 tại khu vực ngã tư đường T thuộc D, phường N, tỉnh Lào Cai, bị cáo Lương Hoài L đang tàng trữ trái phép 8,28 gam

Ketamine và 11,24 gam MDMA mục đích để bán và sử dụng cho bản thân thì bị tổ công tác Công an phường N phối hợp với tổ tăng cường Công an phường N phát hiện, bắt quả tang.

Hành vi 02 lần bán trái phép chất ma túy thu lợi số tiền 4.500.000 đồng và tàng trữ trái phép 8,28 gam Ketamine và 11,24 gam MDMA mục đích để sử dụng và bán kiếm lợi. Hành vi bán trái phép chất ma túy của bị cáo Lương Hoài L đã đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” với tình tiết định khung tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên” và “Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm h đến điểm o khoản này” được quy định tại điểm b, p khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự.

[3.2] Đối với hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy:

Ngày 26-03-2026 Bùi Tú N và Nguyễn Đình Đ cùng thống nhất góp 2.000.000 đồng để mua 01 chỉ Ketamine và 01 viên ma túy loại MDMA để tổ chức cùng sử dụng. Đến khoảng hơn 13 giờ cùng ngày tại phòng 301 nhà nghỉ T6 thuộc dân phố F, phường N, tỉnh Lào Cai Bùi Tú N đưa cho Nguyễn Đình Đ 01 viên loại MDMA, Đ bẻ viên ma túy thành hai phần và tự sử dụng một phần, còn một phần đưa cho T2 sử dụng; tiếp đó Bùi Tú N lấy gói Ketamine và dụng cụ sử dụng ma túy ra đặt lên giường phía ngoài chế biến Ketamine để N, Đ và T2 đã cùng sử dụng số ma túy này đến 17 giờ 30 phút cùng ngày, thì bị tổ công tác tăng cường của Công an tỉnh L phối hợp với Công an phường N phát hiện, bắt quả tang, thu giữ 0,29 gam Ketamine của N và Đ để trên đĩa sứ chưa sử dụng hết.

- Đối với hành vi phạm tội của bị cáo Bùi Tú N: Ngày 26-3-2026 tại 301 nhà nghỉ T6 thuộc dân phố F, phường N, tỉnh Lào. Bị cáo Bùi Tú N có hành vi cung cấp ma túy (đưa viên ma túy MDMA cho Đ), địa điểm 301), phương tiện, dụng cụ và trực tiếp chế biến ma túy (dùng phần cạnh bật lửa nghiền Ketamine trong tờ tiền cho mịn rồi đổ ra đĩa sứ, dùng thẻ Căn cước kẻ Ketamine thành các đường chỉ nhỏ, sau đó lấy tờ tiền 20.000 đồng cuốn lại thành ống “Tẩu” rồi mời mọi người sử dụng ma túy) để Nguyễn Đình Đ Nguyễn Thị T2 đưa trái phép chất ma túy vào cơ thể. Với hành vi trong một lần tổ chức cho 02 người cùng sử dụng trái phép chất ma túy của bị cáo Bùi Tú N đã phạm vào tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” với tình tiết định khung tăng nặng “Đối với 02 người trở lên” được quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự.

- Đối với hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Đình Đ: Ngày 26-3-2026 bị cáo Nguyễn Đình Đ cùng bị cáo Bùi Tú N thống nhất góp mua ma túy để tổ chức sử dụng, trực tiếp gọi điện rủ Nguyễn Thị T2 tham gia sử dụng chất ma túy, tiếp nhận viên ma túy MDMA từ Bùi Tú N sau đó bẻ viên ma túy thành hai phần tự sử dụng một phần, phần còn lại đưa cho T2 sử dụng. Hành vi cung cấp ma túy để Nguyễn Thị T2 và Bùi Tú N đưa trái phép chất ma túy vào cơ thể của bị cáo Nguyễn Đình Đ đã phạm vào tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”

với tình tiết định khung tăng nặng “Đối với 02 người trở lên” được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5- Lào Cai truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật đã được viện dẫn nêu trên là có căn cứ được chấp nhận.

[4] Về đồng phạm: Bị cáo Bùi Tú N và bị cáo Nguyễn Đình Đ cố ý cùng hiện tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, tuy nhiên giữa các bị cáo không có sự câu kết chặt chẽ trong việc thực hiện tội phạm nên thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Trong đó bị cáo Tú N là người khởi xướng, rủ bị cáo Đ tham gia tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, trực tiếp giao dịch mua ma túy và chuẩn bị địa điểm, dụng cụ sử dụng ma túy và tham gia chế biến Ketamine để Nguyễn Đình Đ, Nguyễn Thị T2 sử dụng. Do đó Bùi Tú N giữ vai trò chính vừa là người khởi xướng, vừa là người thực hành tích cực nên phải chịu trách nhiệm hình sự cao hơn. Bị cáo Nguyễn Đình Đ đồng phạm với vai trò là người thực hành, Đ đồng ý góp tiền mua ma túy, gọi điện rủ T2 tham gia sử dụng chất ma túy và trực tiếp bẻ viên ma túy MDMA đưa cho T2 sử dụng nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự sau bị cáo N.

[5] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Hành vi Mua bán trái phép chất ma túy của bị cáo Lương Hoài L và hành vi Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy của các bị cáo Bùi Tú N, Nguyễn Đình Đ, đã xâm phạm trực tiếp đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước đối với chất ma túy được pháp luật bảo vệ; do tác hại của ma túy làm ảnh hưởng đến kinh tế gia đình và lây lan các bệnh truyền nhiễm. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, trị an tại địa phương, gây hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân. Do vậy cần phải xử phạt các bị cáo với hình phạt nghiêm khắc tương xứng tính chất, mức độ của hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện.

[6] Xét nhân thân: Các bị cáo đều là đối tượng nghiện chất ma túy, bị cáo Nguyễn Đình Đ năm 2012 bị xử phạt tù về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”. Do đó, xác định các bị cáo là người có nhân thân không tốt.

[7] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Lường Hoài L đã tự nguyện báo về hành vi bán trái phép chất ma túy cho Bùi Tú N vào ngày 09-3-2026 trước khi bị phát hiện, nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Tự thú” quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Bùi Tú N sau khi hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy bị phát hiện bị cáo đã chủ động, tích cực khai ra người bán ma túy cho bị cáo là Lường Hoài L, giúp cơ quan điều tra điều tra ra hành vi mua bán trái phép chất ma túy của Lường H, nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Người phạm tội tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm hoặc trong quá trình giải quyết vụ án” được quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo Nguyễn Đình Đ có 03 con nhỏ dưới 15 tuổi, gia đình khó khăn được UBND xã V xác nhận, bị cáo có mẹ đẻ là bà Đoàn Thị N2 được tặng thưởng Bằng khen vì những đóng góp tích cực xây dựng Hội giáo chức, nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ nêu trên là có căn cứ, nên được chấp nhận.

[8] Căn cứ vào quy định của Bộ luật Hình sự, tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân các bị cáo, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự xét thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt tù, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm cải tạo, giáo dục các bị cáo thành công dân có ích cho xã hội, phòng ngừa chung trong cộng đồng.

[9] Về hình phạt bổ sung: Theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa xét thấy các bị cáo nghề nghiệp lao động tự do, đều là đối tượng nghiện chất ma túy, gia đình không có tài sản có giá trị bản thân các bị cáo không có tài sản. Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[10] Về vật chứng và tài sản tạm giữ trong vụ án:

- Đối với: 0,29 gam Ketamine thu giữ khi bắt quả tang Bùi Tú N, Nguyễn Đình Đ. Phòng sự Công an tỉnh L lấy 0,1 gam Ketamine làm mẫu vật giám định không hoàn lại. Khối lượng Ketamine còn lại 0,19 gam, được niêm phong vào một phong bì thư do Phòng sự Công an tỉnh L phát hành; Đối với 11,24 gam MDMA và 8,28 gam Ketamine thu giữ khi bắt quả tang bị cáo Lường Hoài L. Phòng thuật Hình sự Công an tỉnh L đã lấy 0,65 gam MDMA và 0,2 gam Ketamine làm mẫu vật giám định. Khối lượng còn lại là 10,59 gam, khối lượng Ketamine còn lại là 8,08 gam được niêm phong vào một phong bì thư do Phòng an tỉnh L phát hành. Đây là vật Nhà tàng trữ, lưu hành cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với số tiền 25.000 đồng thu giữ khi bắt quả tang các bị cáo Bùi Tú N, Nguyễn Đình Đ. Đây là tiền các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

- Đối với: 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng màu xanh, thu giữ của Lường Hoài L; 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 13 Promax, màu xanh, cũ đã qua

sử dụng, thu giữ của Bùi Tú N và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 17 Promax, màu xanh, cũ đã qua sử dụng, thu giữ của Nguyễn Đình Đ. Đây là công cụ, phương tiện các bị cáo Lường Hoài L, Bùi Tú N, Nguyễn Đình Đ sử dụng vào việc phạm tội, cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

- Đối với: 01 bật lửa gas màu xanh; 01 đĩa sứ hình tròn màu trắng; 02 vỏ đầu lọc thuốc lá; 04 vỏ phong bì đã mở niêm phong và các túi nilon. Là những vật các bị cáo đã sử dụng vào việc phạm tội hoặc có liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo. Xét thấy những vật này không có giá trị hoặc không sử dụng được cần tịch thu và tiêu hủy.

- Đối với 01 căn cước công dân số 015094008059 cấp ngày 21-8-2022 nơi cấp Cục Cảnh sát QLHC về TTXH mang tên Bùi Tú N, là công cụ bị cáo N đã sử dụng vào việc phạm tội, tuy nhiên đây là giấy tờ tùy thân của bị cáo xét thấy cần trả lại cho bị cáo.

- Ngày 09-3-2026 Lường Hoài L bán ma túy cho Bùi Tú N thu lợi số 2.500.000 đồng, ngày 26-3-2026 L bán ma túy cho N 2.000.000 đồng nhưng N chưa thanh toán số tiền mua ma túy lần này cho L, thì bị phát hiện bắt giữ. Số tiền 2.500.000 đồng bị cáo L đã tiêu cá nhân hết. Xét thấy đây là tiền bị cáo phạm tội mà có cần tịch thu (truy thu) của bị cáo L 2.500.000 đồng nộp vào ngân sách nhà nước.

- Đối số tiền 1.840.000 đồng và 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu Iphone 15 Plus màu hồng, đã qua sử dụng là những tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bị cáo Bùi Tú N không liên quan đến hành vi phạm tội, xét thấy cần trả lại bị cáo Bùi Tú N.

[11] Các đối tượng và hành vi có liên quan:

- Ngoài hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy Bùi Tú N còn có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy vào ngày 09-3-2026; Lường Hoài Linh xét nghiệm ma túy ngày 27-3-2026 cho kết quả dương tính với chất ma túy trong cơ thể. Kết quả điều tra xác định hành vi sử dụng ma túy ngày 09-3-2026 của Tú N và hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Lường Hoài L không đủ yếu tố cấu thành tội “Sử dụng trái phép chất ma túy”. Công an phường N và Công an phường T, tỉnh Lào Cai đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Lường Hoài L và Bùi Tú N về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” là phù hợp.

- Đối với Nguyễn Thị T2 đã có hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” vào ngày 26-3-2026, kết quả điều tra xác định trong quá trình Bùi Tú N và Nguyễn Đình Đ tổ chức sử dụng ma túy Nguyễn Thị T2 không tham gia vào việc tổ chức sử dụng ma túy mà chỉ là người thụ hưởng; hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của T2 không đủ yếu tố cấu thành tội “Sử dụng trái phép chất ma túy”. Công an phường N, tỉnh Lào Cai đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Nguyễn Thị T2 về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”

- Đối với Trần Phương T3: Ngày 26-3-2026 do T3 bị say bia nên đã nằm ngủ không tham gia vào việc “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, không

“Sử dụng trái phép chất ma túy”. Do đó, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh L không đề cập xử lý đối với Trần Phương T3 trong vụ án.

- Đối với Đào Duy T5 - Chủ nhà nghỉ T6 nơi các bị cáo Bùi Tú N, Nguyễn Đình Đ tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy: Quá trình điều tra đã xác định vào ngày 26-3-2026, khi thấy những người thuê phòng nghỉ có dấu hiệu nghi vấn vi phạm pháp luật anh T5 đã đến Công an phường N để cung cấp thông tin. Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với anh Thế là đúng quy định.

- Đối với người bán ma túy cho Lường Hoài L: Quá trình điều tra, Lường Hoài L khai nhận đã đặt mua ma túy trên ứng dụng Telegram của một tài khoản tên “Sỉ lẻ com”. Hình thức mua bán là người này giấu ma túy tại khu vực đường H thuộc phường T, thành phố Hà Nội và gửi ảnh vị trí qua T4 cho L đến lấy ma túy và để tiền mặt lại thanh toán. Ngoài ra L không biết các thông tin khác về người bán ma túy, quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành các hoạt động nghiệp vụ, xác minh nhưng không xác định được người bán ma túy cho bị cáo là ai, ở đâu nên không đề cập xem xét, xử lý trong vụ án này.

[12] Về án phí và quyền kháng cáo:

- Về án phí: Các bị Lường Hoài L, Bùi Tú N, Nguyễn Đình Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng .

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

- Tuyên bố bị cáo Lường Hoài L phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

- Tuyên bố các bị cáo Bùi Tú N, Nguyễn Đình Đ phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

2. Về điều luật áp dụng và hình phạt:

- Căn cứ điểm b, p khoản 2 Điều 251, các điểm r, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lường Hoài L 10 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, là ngày 27-3-2026.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255, các điểm s, t khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Bùi Tú N 08 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, là ngày 26-3-2026.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình Đ 07 năm 09 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, là ngày 26-3-2026.

3. Về vật chứng của vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng sự:

- Tịch thu và tiêu hủy: 8,27 gam Ketamine và 10,59 gam MDMA được niêm phong vào hai phong bì thư do Phòng Kỹ an tỉnh L phát hành; 01 bật lửa gas màu xanh; 01 đĩa sứ hình tròn màu trắng; 04 vỏ phong bì đã mở niêm phong và các túi nilon; 02 vỏ đầu lọc thuốc lá.

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: 25.000 đồng được niêm phong trong 01 phong bì do Phòng thuật hình sự Công an tỉnh L phát hành; 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng màu xanh, số IMEI 352604701780713; 01 điện thoại di động hình cảm ứng nhãn hiệu Iphone 13 Promax, màu xanh, cũ đã qua sử dụng, số IMEI 356942217063992; 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu Iphone 17 Promax, màu xanh, cũ đã qua sử dụng, số IMEI 352602315722758.

- Tịch thu (truy thu) 2.500.000 đồng của bị cáo Lường Hoài L nộp vào ngân sách Nhà nước.

- Trả lại bị cáo Bùi Tú N: 01 căn cước công dân số 015094008059 cấp ngày 21-8-2022 nơi cấp Cục Cảnh sát QLHC về TTXH mang tên Bùi Tú N; số tiền 1.840.000 đồng được niêm phong trong 01 phong bì do Phòng thuật hình sự Công an tỉnh L phát hành; 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu Iphone 15 Plus, màu hồng, cũ đã qua sử dụng, số IMEI 358577785007589.

Số tiền 25.000 đồng tịch thu nộp ngân sách nhà nước và số tiền 1.840.000 đồng trả lại cho bị cáo Bùi Tú N được gửi để bảo quản tại Kho bạc Nhà nước Khu vực 9- Phòng giao dịch số 1 tỉnh Lào Cai, theo biên bản giao nhận số 07/2026/BBBG-CQCSĐT ngày 08-6-2026 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh L và Kho bạc nước khu vực 9- Phòng G1.

Các vật chứng có đặc điểm được mô tả chi tiết tại Lệnh nhập kho vật chứng số: A492/LNK-CSMT ngày 28-5-2026 của Cơ quan sát điều tra Công an tỉnh L.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng sự; điểm a khoản 1 Điều 23 /2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Lường Hoài L, Bùi Tú N, Nguyễn Đình Đ mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng sự.

Các bị cáo Lương Hoài L, Bùi Tú N, Nguyễn Đình Đ có quyền kháng cáo án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND tỉnh Lào Cai;
- VKSND khu vực 5- Lào Cai;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Lào Cai (CP 04);
- Trại giam số 2, Công an tỉnh Lào Cai;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ Công an tỉnh Lào Cai;
- Phòng THADS khu vực 5- Lào Cai;
- Các bị cáo;
- Lưu hs, TA, THAHS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Lên